TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 301/2018/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 14 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa:

Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1994
Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Lê Ngọc Quang H1, sinh năm: 1991
Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Thu H và ông Lê Ngọc Quang H1.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị Thu H và ông Lê Ngọc Quang H1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 069, quyển số: 01/2012 ngày 14/3/2012 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

-Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trần Tuấn H2, sinh ngày: 08/9/2012. Cả hai thỏa thuận giao trẻ H2 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi

trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà H cho đến khi ông H1 có yêu cầu.

Bà H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

-Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng bà H tự nguyện chịu, cấn trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0028398 ngày 11/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, hoàn lại cho bà H 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường